TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2023
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đoàn Văn Phồi

2/ Ông Võ Văn Bảy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy - *Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang.*

Ngày 17 tháng 7 năm 2023 Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Trương Văn Ng**, sinh năm 1976;
Địa chỉ: ấp MB, xã MHĐ, TXCL, tỉnh Tiền Giang
* *Bị đơn:* Chị **Lưu Thị N**, sinh năm 1979;
Hộ khẩu thường trú: ấp MB, xã MHĐ, TXCL, tỉnh Tiền Giang.
Chỗ ở hiện nay: Ấp Mỹ Hội, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, Tiền Giang.

(Có mặt anh Ng, vắng mặt chị N)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10-10-2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trương Văn Ng trình bày:*

Anh Trương Văn Ng và chị Lưu Thị N tự nguyện chung sống từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Anh Ng và chị N chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẩn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp. Mặc dù, anh Ng và chị N đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh Ng yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ng và chị N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Minh Nh, sinh ngày 22/9/1999 và Trương Nhật C, sinh ngày 24/7/2003; con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lưu Thị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị N không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Trương Văn Ng yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn Lưu Thị N. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lưu Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về hôn nhân: Anh Ng và chị N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1999 là tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh Ng và chị N đủ điều kiện kết hôn theo qui định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do vậy căn cứ vào điểm c khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với nguyên đơn Trương Văn Ng và bị đơn Lưu Thị N.

[3] Về con chung: Anh Trương Văn Ng và chị Lưu Thị N có 02 con chung tên Trương Minh Nh, sinh ngày 22/9/1999 và Trương Nhật C, sinh ngày 24/7/2003; con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động được, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội anh Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 8, 9 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Trương Văn Ng.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Trương Văn Ng và bị đơn Lưu Thị N.

2/ Về án phí: Nguyên đơn Trương Văn Ng phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, anh Ng đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018446 ngày 28-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, do đó xem như đã nộp xong án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tống đạt

hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi Cục THADS thị xã Cai Lậy, TG;
- UBND xã MHĐ, CT, TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Cẩm Loan